

Bản án số: 378/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 08/4/2025
V/v tranh chấp: Ly hôn và
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan
2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1220/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2024 về việc “Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2025 (Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐHPT – ST ngày 21/3/2025), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thanh V, sinh năm 1994

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Địa chỉ liên hệ: TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đỗ N, sinh năm 1969 – Công ty Luật TNHH Super Green Law Company. Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hà Trọng N, sinh năm 1986

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

(Luật sư, nguyên đơn và bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung, bản tự khai, ý kiến tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thanh V trình bày:

Bà Đỗ Thị Thanh V và ông Hà Trọng N chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2015, quyền số 01/2015, do Ủy ban nhân dân xã Đại Lào, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 08/12/2015. Vợ chồng chung sống không còn hòa hợp nhau, không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Mỗi lần cãi vã là ông N đe dọa, đánh đập nên bà V thường về chung sống với cha mẹ ruột ở Lâm Đồng. Từ ngày 13/10/2024 thì chính thức sống ly thân cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà V yêu cầu tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Hà Trọng N.

Cả hai chung sống có hai con chung tên là Hà Trọng P, sinh ngày 17/01/2017 và Hà Đỗ Thiên K, sinh ngày 24/3/2019. Bà V đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K, ông N đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P.

Từ nhỏ các con đã lớn lên dưới sự chăm sóc của bà V và ông bà ngoại, nên tình cảm của bà V và ông bà ngoại dành cho các trẻ rất nhiều và ngược lại. Thỉnh thoảng bà V cùng hai con về Sài Gòn chung sống với ông N. Năm 2019 bà V mới chính thức đưa các con về chung sống với ông N tại quận Gò Vấp, kinh doanh nhạc cụ và dạy đàn tại nhà. Từ năm 2020 đến năm 2022 do ảnh hưởng của covid nên bà và các con tiếp tục về sống chung với ông bà ngoại. Hết dịch covid thì trở lại chung sống với ông N cho đến ngày 13/10/2024. Hiện tại bà V có thu nhập ổn định từ 15.000.000 đồng/ 1 tháng, có ký Hợp đồng lao động và thu nhập từ việc dạy đàn tại nhà; Có nhà cửa ổn định do được cha mẹ tặng cho là nhà đất tại Bảo Lộc, Lâm Đồng, nên bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình sống chung, bà V ông N tạo lập được các tài sản chung gồm:

- 01 xe máy honda hiệu SH 125i màu đỏ biển số 59V3 802.63, số máy JF95E – 0234797, số khung RLHJF 9500PY324710 ông N đứng tên trên giấy đăng ký xe; 09 cây đàn piano gồm 01 cây đàn mã HP1800V, 02 cây đàn HP103, 02 cây đàn YDP – 160, 01 cây đàn Roland DP – 970, 01 cây đàn CLP – 320, 01 cây đàn Clavinova CLP – 430, 01 cây đàn Yamaha YDP – 530; 01 bộ trống Jazz hiệu PDP; 01 lò vi sóng hiệu ERICO mã FC – MW131 đã qua sử dụng; 01 bếp điện hiệu Electrolux đã qua sử dụng; 06 cây đàn ghita gồm 05 cây đàn ghita không nhãn hiệu, 01 cây đàn ghita có chữ Fishman. Tất cả những tài sản trên ông N đang quản lý, sử dụng tại quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Bà V tạm tính giá trị khoảng 195.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi.

- Tiền mặt 01 tỷ đồng do ông N đang quản lý. Bà V yêu cầu chia đôi;

- Một lô đất tại thửa đất số 3585, tờ bản đồ số 110, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà V tạm tính giá trị khoảng 700.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là ông Hà Trọng N trình bày:

Ông N thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn vì những nguyên nhân sau: Không cùng quan điểm sống, cách thức sinh hoạt khác nhau, mỗi lần bất đồng ý kiến là bà V hay viết đơn ly hôn, tính đến lần này là bảy đơn, bốn đơn không nộp, nộp ra Tòa án 3 đơn. Bà V thường có thái độ coi thường, hành động bất cần, bạc tình, không trân trọng giữ gìn hạnh phúc gia đình khiến cho ông bất mãn. Ông N đồng ý ly hôn theo đề nghị của bà V.

Về con chung: Ông N thừa nhận có hai con chung như bà V khai. Ông có công việc kinh doanh mua bán nhạc cụ và dạy đàn, có chỗ ở ổn định tại địa chỉ quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh nên đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông N thừa nhận có các tài sản chung như bà V khai.

- Các vật dụng trong gia đình như xe SH, đàn, trống, bếp mà bà V trình bày, ông N thống nhất giá trị 195.000.000 đồng. Ông N đề nghị giữ lại tất cả và bù chia cho bà V số tiền 100.000.000 đồng.

- Về tiền mặt 01 tỷ đồng ông N đang giữ, ông đồng ý chia cho bà V số tiền 300.000.000 đồng, phần ông 700.000.000 đồng.

- Về lô đất tại Đồng Nai, ông N không đồng ý chia cho bà V, ông muốn giữ lại đến khi đất có giá trị hơn thì tính sau. Ông N thừa nhận tài sản tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nhưng chủ yếu là do ông kiếm được. Thu nhập có từ việc ông N mua miếng đất nhỏ, thấy có lời thì bán rồi mua miếng đất khác chờ có lời bán tiếp; Cộng thêm ông kinh doanh mua bán nhạc cụ và dạy đàn tại nhà. Thời gian này bà V chủ yếu nuôi con nhỏ. Sau khi hết dịch covid là từ năm 2022 bà V mới sinh sống, kinh doanh nhạc cụ và dạy đàn cùng ông tại nhà.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá đối với các tài sản tranh chấp theo quy định.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự có mặt. Bà V giữ nguyên các ý kiến đã trình bày như nêu trên và đề nghị ông N cùng chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá theo quy định. Bà V không yêu cầu chia tài sản chung là thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Công ty Thiên Thanh từ tháng 10/2024 đến nay; Không yêu cầu tính công sức giữ gìn, tu tạo nhà cửa đối với nhà quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh vì bà có thời gian sinh sống tại đây khá lâu. Cả hai thừa nhận ông N đã chuyển cho bà V số tiền 400.000.000 đồng bù chia một phần tài sản

chung trong số tiền mặt ông N đang giữ. Ông N đồng ý giao trẻ P và trẻ K cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 8.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

1/ Về hôn nhân: Hôn nhân của các đương sự không có hạnh phúc, cả hai không còn tiếng nói chung, tình cảm dành cho nhau không còn. Bà V đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

2/ Về con chung: Thời gian cả gia đình chung sống với nhau tại nhà quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, mỗi lần vợ chồng cãi nhau ông N thường xúc phạm, đe dọa, đánh đập gây ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe bà V trước mặt con cái. Điều này gây ảnh hưởng xấu đến việc hình thành và phát triển nhân cách của trẻ con. Bà V đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hà Đỗ Thiên K. Ông N đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hà Trọng P. Dù vậy, nguyện vọng của trẻ P là mong muốn được chung sống với mẹ. Bà V được cha mẹ ruột tặng cho nhà đất tại Bảo Lộc, Lâm Đồng cho thấy bà V có nơi ở ổn định. Bà V đang làm việc tại Công ty TNHH Trà Nai Vàng với mức lương 15.000.000 đồng/ 1 tháng. Ngoài ra bà V còn mở cơ sở dạy đàn tại nhà. Tổng thu nhập bình quân ổn định là 30.000.000 đồng/ 1 tháng. Bà V là người mẹ thấu hiểu, có kỹ năng giáo dục và luôn dành những điều tốt đẹp nhất cho con. Từ các tài liệu chứng cứ và các hình ảnh bà V cung cấp trong hồ sơ cho thấy bà V là người trực tiếp nuôi con tốt nhất, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình. Ông N đã đồng ý giao hai con cho bà V nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 8.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

3/ Về tài sản chung:

- Đối với các vật dụng là xe, đàn, trồng, bếp, các đương sự xác định giá trị còn lại là 195.000.000 đồng. Ông N đề nghị bù chia cho bà V số tiền 100.000.000 đồng và được quyền sở hữu đối với các vật dụng này là phù hợp và có lợi cho ông N. Bà V đồng ý với đề nghị này của ông N nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với tiền mặt 01 tỷ đồng và quyền sử dụng đất tại Đồng Nai được định giá là 1.359.200.000 đồng, bà V đề nghị chia đôi. Ông N chỉ đồng ý chia cho bà V 30% giá trị quyền sử dụng đất và tiền mặt. Ông N cho rằng thời kỳ hôn nhân ông là lao động chính, bà V chỉ chăm con nhỏ, không đóng góp gì trong việc mua sắm tạo lập tài sản nhưng ông N không chứng minh được mình là lao động chính. Đây là tài sản tạo ra trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu của bà V phù hợp quy định tại Điều 33, khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ông N đã chuyển cho bà V số tiền 400.000.000 đồng bù chia một phần tài sản chung trong số tiền mặt hiện có. Ông N còn phải bù chia thêm 100.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông N còn phải bù chia cho bà V là 200.000.000 đồng + $\frac{1}{2}$ giá trị đất là 679.600.000 đồng = 879.600.000 đồng.

4/ Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá, bà V đã tạm nộp và đề nghị ông N thanh toán lại theo tỷ lệ giá trị chia tài sản chung là phù hợp quy định tại Điều 156, 157, 164, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu đúng quy định tại Điều 203, khoản 2 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; Nguyên đơn gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2015, quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân xã Đại Lào, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 08/12/2015; Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

2.1. Về hôn nhân của các đương sự:

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn. Cả hai đã sống ly thân mạnh ai nấy sống, không quan tâm lo lắng cho nhau từ tháng 10/2024 đến nay là một thời gian dài. Việc nguyên đơn cương quyết ly hôn đã thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân và gia đình không còn nữa. Bị đơn đồng ý ly hôn theo đề nghị của nguyên đơn. Điều này cho thấy đời sống vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Có hai con chung tên Hà Trọng P, sinh ngày 17/01/2017 do bị đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng và Hà Đỗ Thiên K, sinh ngày 24/3/2019 do nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về chỗ ở: Nguyên đơn đang sở hữu nhà đất và sinh sống tại địa chỉ Bảo Lộc, Lâm Đồng; Bị đơn đang sở hữu nhà đất và sinh sống tại địa chỉ quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Điều này cho thấy các đương sự đều có nơi ở ổn định.

- Về thu nhập: Nguyên đơn cung cấp được tài liệu chứng cứ là hợp đồng lao động chứng minh có công việc và thu nhập ổn định từ 15 triệu đồng /1 tháng. Bị đơn cho rằng có công việc ổn định, có khả năng để nuôi con nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa, bị đơn cung cấp sổ thu – chi hàng tháng về thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH âm nhạc Thiên Thanh từ tháng 01/2024 đến tháng 10/2024. Các số liệu thu, chi liệt kê bằng chữ viết tay trong tập học sinh, không có chứng từ kê khai thuế hàng tháng theo quy định, không chứng minh được thu nhập riêng ổn định hàng tháng là bao nhiêu.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án ghi nhận được trẻ Hà Trọng P có nguyện vọng muốn chung sống với mẹ. Việc nguyên đơn đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của con. Nguyên đơn là người đủ điều kiện hơn về chỗ ở, về thu nhập, đảm bảo được cuộc sống ổn định cho các con. Tại phiên tòa, bị đơn đã đồng ý giao 2 con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, vì quyền

lợi của trẻ em nên việc giao hai con cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024. Thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị đơn đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 8.000.000 đồng, phù hợp quy định tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự xác định tài sản chung gồm có:

- 01 xe máy honda hiệu SH 125i màu đỏ biển số 59V3 802.63, số máy JF95E – 0234797, số khung RLHJF 9500PY324710 ông N đứng tên trên Giấy đăng ký xe; 09 cây đàn piano gồm 01 cây đàn mã HP1800V, 02 cây đàn HP103, 02 cây đàn YDP – 160, 01 cây đàn Roland DP – 970, 01 cây đàn CLP – 320, 01 cây đàn Clavinova CLP – 430, 01 cây đàn Yamaha YDP – 530; 01 bộ trống Jazz hiệu PDP; 01 lò vi sóng hiệu ERICO mã FC – MW131 đã qua sử dụng; 01 bếp điện hiệu Electrolux đã qua sử dụng; 06 cây đàn ghita gồm 05 cây đàn ghita không nhãn hiệu, 01 cây đàn ghita có chữ Fishman. Tất cả những tài sản trên bị đơn đang quản lý, sử dụng.

- Tiền mặt 01 tỷ đồng do bị đơn đang quản lý.

- Một lô đất tại thửa đất số 3585, tờ bản đồ số 110, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị đơn đang giữ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân. Các đương sự được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/12/2015, đăng ký thành lập doanh nghiệp lần đầu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH âm nhạc Thiên Thanh ngày 21/9/2016, là đăng ký sau thời điểm đăng ký kết hôn, nên các lợi nhuận phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH âm nhạc Thiên Thanh từ khi thành lập doanh nghiệp đến nay là tài sản chung. Tài sản các đương sự tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân vào khoản thời gian các con còn nhỏ. Bị đơn tập trung kinh doanh, nguyên đơn tập trung chăm sóc con nhỏ. Từ năm 2022 các đương sự cùng nhau vừa kinh doanh mua bán nhạc cụ và dạy đàn tại nhà, vừa chăm con nên lao động của vợ, chồng trong gia đình đều được xem là lao động có thu nhập ngang nhau.

Tại Bản thỏa thuận hôn nhân gia đình, các đương sự có cam kết khi ly hôn thì tài sản chung chia đôi.

Bị đơn cho rằng mình là lao động chính nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh công sức của riêng mình vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Do đó, tài sản chung của vợ chồng được chia đôi theo quy định tại Điều 33 và khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

1/ Về các vật dụng như nêu trên các đương sự thống nhất giá trị còn lại là 195.000.000 đồng; Tự nguyện thỏa thuận: Giao bị đơn tiếp tục quản lý, sử dụng; Bị đơn có nghĩa vụ bù chia cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận.

2/ Về số tiền mặt 01 tỷ đồng. Mỗi người được chia 500.000.000 đồng. Bị đơn đã bù chia 400.000.000 đồng cho nguyên đơn. Bị đơn còn phải bù chia thêm 100.000.000 đồng cho nguyên đơn.

3/ Về quyền sử dụng đất:

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với quyền sử dụng đất tranh chấp; Các đương sự thống nhất với nội dung biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

Tòa án đã tiến hành thẩm định giá đối với quyền sử dụng đất tranh chấp là thửa đất số 3585, tờ bản đồ số 110, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Lô đất có giá trị 1.359.200.000 đồng theo kết quả thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định giá số 356/2025/011508/CT – BDS ngày 15/01/2025 của Công ty cổ phần thẩm định giá Việt.

Xét thấy:

Nguyên đơn đồng ý với kết quả thẩm định giá. Bị đơn cho rằng giá trị đất hiện nay cao hơn giá trị được thẩm định nhưng bị đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh, không yêu cầu thẩm định giá lại, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào giá trị thẩm định tại Chứng thư thẩm định giá số 356/2025/011508/CT – BDS ngày 15/01/2025 để chia tài sản chung. Nguyên đơn và bị đơn mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất, cụ thể là $1.359.200.000 : 2 = 679.600.000$ đồng. Bị đơn đang giữ tài sản và mong muốn giữ lại đất, nên giao cho bị đơn quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3585, tờ bản đồ số 110, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bị đơn có nghĩa vụ bù chia cho nguyên đơn số tiền 679.600.000 đồng. Đề nghị của nguyên đơn phù hợp quy định tại các Điều 33, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

4/ Việc nguyên đơn không yêu cầu chia tài sản chung là thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Công ty Thiên Thanh từ tháng 10/2024 đến nay; Không yêu cầu tính công sức đóng góp giữ gìn, tu tạo nhà cửa đối với nhà quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] *Về chi phí tố tụng*: Nguyên đơn đã nộp số tiền 40.000.000 đồng để tạm ứng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá đối với tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 156, 164 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị chia đôi nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản

2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[6] Phát biểu luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử;

[7] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, 56, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thanh V được ly hôn ông Hà Trọng N. Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2015, quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân xã Đại Lào, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 08/12/2015 không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Giao bà Đỗ Thị Thanh V quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Hà Trọng P, sinh ngày 17/01/2017 và Hà Đỗ Thiên K, sinh ngày 24/3/2019 cho đến khi trưởng thành.

Ông Hà Trọng N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông Hà Trọng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung:

3.1 Ông Hà Trọng N được quyền sở hữu 01 xe máy honda hiệu SH 125i màu đỏ biển số 59V3 802.63, số máy JF95E – 0234797, số khung RLHJF 9500PY324710; 09 cây đàn piano gồm 01 cây đàn mã HP1800V, 02 cây đàn HP103, 02 cây đàn YDP – 160, 01 cây đàn Roland DP – 970, 01 cây đàn CLP – 320, 01 cây đàn Clavinova CLP – 430, 01 cây đàn Yamaha YDP – 530; 01 bộ trống Jazz hiệu PDP; 01 lò vi sóng hiệu ERICO mã FC – MW131 đã qua sử dụng; 01 bếp điện hiệu Electrolux đã qua sử dụng; 06 cây đàn ghita gồm 05 cây đàn ghita không nhãn hiệu, 01 cây đàn ghita có chữ Fishman. Các tài sản trên có giá trị còn lại là 195.000.000 đồng. Ông Hà Trọng N có nghĩa vụ bù chia cho bà Đỗ Thị Thanh V số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

3.2 Về số tiền mặt 01 tỷ đồng: Bà Đỗ Thị Thanh V và ông Hà Trọng N mỗi người được chia 500.000.000 đồng. Ông N đã bù chia cho bà V 400.000.000 đồng. Ông Hà Trọng N có nghĩa vụ bù chia thêm 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho bà Đỗ Thị Thanh V.

3.3 Về quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3585, tờ bản đồ số 110, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Bà Đỗ Thị Thanh V và ông Hà Trọng N mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất là 1.359.200.000 đồng : 2 = 679.600.000 đồng.

Ông N có nghĩa vụ bù chia cho bà V số tiền 679.600.000 đồng (sáu trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Ông Hà Trọng N được toàn quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 3585, tờ bản đồ số 110, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ông Hà Trọng N có quyền, nghĩa vụ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên sang tên cho mình theo quy định. Chi phí cho việc sang tên cấp giấy chứng nhận ông N chịu.

Tổng số tiền ông N còn phải bù chia cho bà V là 879.600.000 đồng (tám trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng).

4/ Về chi phí tố tụng: Ông Hà Trọng N có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Đỗ Thị Thanh V số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Tất cả thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5/ Về án phí:

5.1 Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Đỗ Thị Thanh V chịu, nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng bà V đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số 0014607 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp. Bà Đỗ Thị Thanh V đã nộp đủ án phí.

Ông Hà Trọng N phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

5.2 Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung:

- Bà Đỗ Thị Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.388.000 đồng (năm mươi triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn đồng). Cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp là 13.950.000 đồng (mười ba triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014740 ngày 22/10/2024 và số tiền 8.750.000 đồng (tám triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0057006 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp; Bà V còn phải nộp thêm số tiền 27.688.000 đồng (hai mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn đồng).

- Ông Hà Trọng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.238.000 đồng (năm mươi triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn đồng).

6/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

7/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HS.

Nguyễn Lê Tứ Nhị